

Nguồn nhân lực xưa và nay

Từ ngàn xưa, ở nước ta người ta không cần học hành gì cả cũng có thể kiếm ăn qua ngày bằng cách sống nhờ trời, nghĩa là họ tận dụng hoặc bóc lột các tài nguyên thiên nhiên để sống. Chuyện cổ tích của chúng ta thường bắt đầu bằng câu "Ngày xưa có người tiêu phu sáng sớm vô rừng đốn củi..." Nói cách khác, không cần học hành bài bản gì cả, người ta có thể vào rừng đốn củi, xuống sông bắt cá, ra đồng làm ruộng.... Lúc ấy không có nghề trồng rừng, nghề nuôi trồng thủy sản, nghề quản lý trang trại... Nhưng khi đã vào thế kỷ 21 rồi, chỉ cần đi vào một vùng các vùng nông thôn sâu, vùng cao, vùng ven biển, và thậm chí tại các vùng gọi là "vùng năng suất cao, có tưới tiêu chủ động" của đất nước ta chúng ta thấy đa số nông dân ta vẫn còn làm ăn như ngày xưa. Trong nước ta, ai không học hành gì cả thì làm nông dân, còn những người có học chút ít thì bỏ nghề nông làm việc khác. Trong khi đó ở các nước tiên tiến, cụ thể như ở Đan Mạch, Nhà nước chỉ cho phép người nào có học và có bằng cấp ngành nông nghiệp mới được làm nông dân. Người nông dân của nước tiên tiến, nhờ đã học qua trường lớp, biết quản lý trang trại của mình một cách tối hảo, phù hợp với các qui định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xử lý các chất thải nông nghiệp, bảo đảm chất lượng sản phẩm, bảo đảm khối lượng sản phẩm, v.v. Nếu người nào vi phạm sẽ bị Nhà nước thu hồi giấy phép hành nghề nông dân.

Nông nghiệp nước ta nhìn chung do phần lớn những người hành nghề tự do thực hiện, không cần có bằng cấp hay chứng chỉ nông nghiệp gì cả. Nhưng bên trên nông dân, sự chỉ đạo phát triển nông nghiệp của nước ta thì sao?

- Ở cấp xã ấp -sát sườn nhất với người nông dân- cũng là do phần lớn những người không có chứng chỉ nông nghiệp nào cả;

- Ở cấp huyện: ngoại trừ vài địa phương có kỹ sư nông nghiệp, phần lớn cũng do người không có chứng chỉ nông nghiệp nào cả;

- Ở cấp tỉnh: có một số kỹ sư các ngành nông nghiệp, nhưng không thể kham nổi công việc vì dưới mình không có người chuyên môn, và phần lớn phải lo sự vụ hành chánh để báo

cáo cấp trên.

- Ở cấp vùng: ít thấy bóng dáng chuyên viên nông nghiệp.

- Ở cấp trung ương: phần lớn quá bận rộn với sự vụ, chưa có những người chuyên viên có tầm nhìn xa để hoạch định một chiến lược toàn diện phát triển nông nghiệp dài hạn, họ chỉ phó mặc cho nông dân ai muốn sản xuất gì thì sản xuất, được thì gọi đó là nhờ chỉ đạo của trên, không được thì đổ lỗi là tại dân tự phát, sản xuất không kế hoạch làm ối động hàng, rớt giá.

Các trường nông nghiệp của nước ta đã đào tạo hàng vạn kỹ sư nông nghiệp các ngành, nhưng họ đi làm ở đâu? Nhận xét đầu tiên của chúng tôi là Bộ nông nghiệp và phát triển nông

là vấn đề của các bộ khác. Các địa phương cũng bị ràng buộc vì biên chế và tầm nhìn chiến lược của bản thân bộ máy lãnh đạo nên cũng chưa sử dụng hết các cán bộ nông nghiệp đã tốt nghiệp. Vì thế kỹ sư nông nghiệp ra trường muốn đi đâu thì đi, tìm được việc gì làm thì làm, cho dù không đúng ngành nghề. Mặt khác, theo nhiều cơ quan sử dụng cán bộ, khả năng chuyên môn của nhiều kỹ sư nông nghiệp mới được đào tạo quá yếu tay nghề hoặc chưa nắm được nghề, chưa đạt yêu cầu thực tế mà cơ quan mong muốn, do đó họ không thể thu dụng những kỹ sư này.

Vấn đề đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển nông

Đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long

GS. TS. VÕ TÙNG XUÂN



thôn không hề gần với các trường đại học nào có đào tạo các ngành nông nghiệp. Trong các chương trình của bộ, hiếm thấy khi nào có kể vào các trường nông nghiệp. Dường như Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn không quan tâm đến vấn đề đào tạo nông nghiệp của các trường đại học, cho đó

ng nghiệp của nước ta trong nhiều thập kỷ tới rất tùy thuộc vào thị trường trong và ngoài nước và vào chính sách nông nghiệp của Nhà nước.

Viễn cảnh trong thế kỷ 21

Tiến vào thế kỷ 21 ĐBSCL là vùng nông nghiệp quan trọng nhất của

Việt Nam, bảo đảm an toàn lương thực cho cả nước đồng thời đem về nhiều ngoại tệ góp phần hiện đại hoá và công nghiệp hoá đất nước, nhờ sản xuất được những mặt hàng chế biến nông-lâm-thủy hải sản có phẩm chất cao. Lúc ấy ĐBSCL trở thành vùng lãnh thổ không còn nhiều người nghèo, và không còn nơi nào là nông thôn sâu cả, thành thị và nông thôn sẽ không còn cách biệt nhiều nữa.

Chiến lược để đạt mục tiêu trên: Nhà nước không dàn đều mà sẽ chọn hướng ưu tiên nhất để tập trung tài sức đi tắt và tiến nhanh hầu bắt kịp các nước láng giềng. Hai hướng mở đường:

(1) Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và nông thôn toàn diện căn cứ vào các lĩnh vực sử dụng tài nguyên thích hợp, và

(2) Chuyển hướng nông nghiệp với sự hỗ trợ của công nghiệp hoá tại các vùng nông thôn.

Điều chắc chắn là công nghiệp hoá tại các vùng đô thị sẽ không thể thu hút hết lao động dư thừa của nông thôn. Kinh nghiệm tại nhiều nước đang phát triển của các châu Á, Phi và Mỹ La Tinh cho thấy sự di dân nông thôn ra thành thị, cho dù vùng thành thị được đầu tư rất cao để phát triển công nghiệp, vẫn làm cho thành thị chực lấy nhiều khó khăn hơn về mặt xã hội (ô nhiễm, tội phạm, ăn ở chen chúc, thiếu nhà cửa, thiếu các dịch vụ xã hội). Vì vậy, trong giai đoạn ngắn hạn 5-10 năm tới, lao động dư thừa nhàn rỗi của nông thôn phải được giải quyết việc làm tại nông thôn, qua các hoạt động dịch vụ phát triển nông nghiệp, sơ chế hoặc chế biến nông sản. Các nước đi trước theo hướng này rất thành công có thể kể Đài Loan, Hàn Quốc, và Trung Quốc. Công nghiệp hướng trấn tại các làng xã của Trung Quốc do tư nhân sáng lập và điều hành càng tăng thì nông nghiệp phát triển càng nhanh, và tạo thêm rất nhiều công ăn việc làm cho dân nhàn rỗi nông thôn.

Sản xuất

Sản xuất lúa: lúa ĐBSCL vốn đã chiếm 45% diện tích lúa toàn quốc nhưng sản lượng đạt đến 55,6%, sẽ được tập trung vào các vùng đất đai thích hợp nhất để có gạo phẩm chất ngon nhất đáp ứng yêu cầu xuất khẩu cho nhiều thị trường khác nhau. Các loại lúa này sẽ được chế biến và bảo

quản tại các nhà máy xay xát hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế do các hợp tác xã nông nghiệp làm chủ. Riêng gạo tiêu thụ trong nước cho người có lợi tức thấp, các hợp tác xã sẽ trồng các giống lúa phẩm chất thấp hơn một ít, nhưng có năng suất cao hơn, kháng được các loại sâu bệnh phổ biến trong vùng, hoặc chịu được phèn, mặn. Lúc đó nông dân của ĐBSCL sẽ rất thiện nghệ trong nghề trồng lúa, áp dụng kỹ thuật rất đồng bộ để hạn chế ô nhiễm môi trường. Họ sẽ áp dụng kỹ thuật tận dụng nước trời khi cần thiết, như kỹ thuật sạ khô. Các công tác đồng áng sẽ được cơ giới hoá, nhất là các khâu sạ thẳng hàng, bón phân đạm sâu dưới gốc lúa, phun thuốc bảo vệ thực vật, tưới nước, gặt đập, sấy lúa, bao bì đóng gói, bảo quản. Bón phân sẽ được cân đối giữa phân nền hữu cơ và phân hoá học. Tưới nước sẽ được thực hiện theo một qui trình hiện đại để tiết kiệm nguồn tài nguyên quý hiếm này của thế kỷ 21. Công tác phòng trừ tổng hợp (IPM) sẽ được áp dụng triệt để.

Sản xuất cây ăn trái: ĐBSCL đang trồng gần 180.000 ha cây ăn trái, chiếm 51% diện tích cây ăn trái của cả nước. Trái cây nhiệt đới thực sự là sản phẩm độc đáo của ĐBSCL mà các nước khác khó sánh kịp như: xoài cát, xoài thơm, bưởi xanh Bến Tre, bưởi Năm Roi Vĩnh Long, sầu riêng hạt lép của Bến Tre, vú sữa Lò Rèn (Cai Lậy), sa pô (Bến Tre, Trà Vinh), cam quýt Cần Thơ, long nhãn, chuối, khóm, thanh long... Sản xuất các trái cây này sẽ được Chính phủ yểm trợ về mặt kỹ thuật trồng trọt và chăm sóc, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến thích hợp (phơi sấy, đóng hộp, bao bì, chuyên chở đến thị trường), và về mặt tiếp thị tại các thị trường trong và ngoài nước. Các vùng được qui hoạch sản xuất cây ăn trái sẽ được xây đê bao kiên cố không cho nước ngập trong mùa lũ lụt. Các vùng lúa năng suất thấp sẽ được chuyển thành vùng cây ăn trái qui mô lớn.

Sản xuất cây kiểng: tình trạng khí hậu ôn hoà và lao động dư thừa sẽ thích hợp cho những ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động như trồng các loại hoa, nhất là phong lan, các loại cây kiểng có thể vào thị trường trong và ngoài nước.

Sản xuất cây nguyên liệu: trên các vùng đất phèn, chúng ta sẽ đầu tư

manh để sản xuất cây lấy gỗ là nguyên liệu bột giấy như bạch đàn, keo lá tràm, keo tai tượng, và cây để xây dựng như tràm, để làm các sản phẩm tiêu thụ công nghiệp xuất khẩu... Đay và bố, thích nghi với đất phèn, sẽ được trồng đại trà để làm nguyên liệu giấy cao cấp mà hiện nay Nhật Bản và một số nước quan tâm đến bảo vệ rừng đang có nhu cầu lớn.

Thủy sản: ngoài đẩy mạnh sản xuất cá nuôi trên sông và trong ao hồ, ĐBSCL sẽ phát triển nuôi tôm càng xanh kết hợp trồng lúa, và nuôi tôm sú theo kiểu quảng canh cải tiến trong các ruộng nước lợ, các vùng rừng được hoặc mắm. Tùy vùng tích hợp, kỹ thuật nuôi cua biển, nghêu, sò hến sẽ phát triển mạnh. Công nghệ bảo quản, chế biến, bao bì cho các thủy sản này sẽ được phát triển mạnh, nhất là làm khô những loại cá tra và cá ba sa. Nghề nuôi cá cảnh cũng sẽ được phát huy để xuất khẩu.

Gia súc: sẽ tập trung vào trâu sữa để lấy thịt và sữa, dê lấy thịt và sữa, bò thịt và một ít bò sữa, vịt và gà để lấy trứng và thịt, nhất là gà Tam Hoàng và các loại gà ta (không dùng hoá chất). Hầu hết nông dân sẽ áp dụng hệ thống canh tác chăn nuôi kết hợp trồng trọt để có phân chuồng làm biogaz và bồi dưỡng cho đất trồng trọt.

Thị trường

Nếu không tiêu thụ được sản phẩm nhanh chóng và được giá, nông dân không thể tiếp tục sản xuất, dĩ nhiên nền nông nghiệp cũng sẽ dừng lại. Những cơ quan chức năng của Nhà nước sẽ tạo thêm thị trường cho nông nghiệp. Cơ quan ngoại thương sẽ đi khắp nơi trên thế giới để tìm thêm thị trường. Các doanh nghiệp và nông dân sản xuất sẽ rất quan tâm đến thị trường trong nước cũng như thị trường ngoài nước.

Thị trường trong nước: Sự phát triển theo ưu thế tương đối bắt buộc thị trường trong nước phải hoạt động mạnh. Người dân miền bắc sẽ có nhiều xoài, nhãn da bò, chôm chôm, dưa hấu, v.v., và sản phẩm từ thủy sản như cá tược, khô... từ miền nam đưa ra; người miền Nam sẽ có vải thiều, nhãn, khoai tây, than đá, apatit... từ miền bắc đưa vào. Nông dân hai miền sẽ tiêu thụ sản phẩm dễ dàng, đời sống người dân chắc chắn sẽ hạnh phúc hơn.

Thị trường ngoài nước: Nghề

thuật ngoại giao và buôn bán trong khuôn khổ các hiệp định thương mại quốc tế và vùng, Nhà nước vừa phải có chính sách mậu dịch ổn định và quyền rũ, vừa phải xông xáo đi tìm người mua sản phẩm của nông dân các vùng. Thị trường Trung Quốc và Viễn Đông (Nga) tương đối gần gũi ta hơn.

Đầu tư cho nguồn nhân lực

Kế hoạch hoá gia đình: người dân sẽ tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Nhà nước: giữ mức tăng trưởng dân số dưới 1,8% và dân dần xuống đến 1,5% vào năm 2025.

Cải tiến và xây dựng cấu trúc hạ tầng nông thôn nhằm xóa bỏ sự cách biệt giữa nông thôn sâu và thành thị: xây đường nông thôn, thay toàn bộ hàng trăm ngàn cây cầu khỉ, cải tiến các bến phà, xây cảng sông Cần Thơ để đảm trách dịch vụ xuất hàng nông sản trực tiếp từ ĐBSCL, thiết lập sân bay Cần Thơ để phục vụ các chuyến bay con thoi giữa Cần Thơ và TP Hồ Chí Minh, tăng cường thêm tước bin phát điện cho Nhà máy phát điện Trà Nóc, sửa và trang bị lại tất cả các trường tiểu và trung học ở nông thôn, sửa và trang bị cho các trạm y tế của các xã.

Thiết lập các công nghệ sơ chế hoặc chế biến và bảo quản sau thu hoạch các nông-lâm-thủy hải sản: Về lúa, mọi hợp tác xã nông nghiệp đều có máy sấy lúa, nhà máy xay xát được trang bị máy móc thích hợp và sẽ do các hợp tác xã làm chủ bằng cổ phần. Về trái cây, các hợp tác xã nông nghiệp hoặc các công ty tư nhân sẽ đầu tư thiết lập các nhà máy chế biến khóm (nước hoặc cô đặc), cam (nước, cô đặc, mứt vỏ cam, hoặc cam tươi), xoài (đóng gói xoài tươi, nước xoài, xoài khô). Hoặc nhà máy đóng gói bao bì đặc biệt cho xoài, súp lơ, vú sữa, thanh long, sầu riêng, khóm... Hoặc nhà máy đường mía hiện đại, nhà máy chế biến thịt heo, gà vịt... Nhà máy đông lạnh, cấp đông, hoặc sấy khô thủy sản (cá, tôm, cua, mực, ngao, sò huyết...). Nhà máy chế biến bột giấy từ nguyên liệu bạch đàn, trầm bông vàng, day bố.

Giảm thiểu tác hại của lũ lụt: một mặt Nhà nước sẽ tạo thêm đường thoát lũ ra biển Tây, một mặt sẽ xây dựng các "cồn khu dân cư" và "cồn cây ăn trái" có bờ bao và ống bọng kiên cố để tránh bị ngập trong mùa lũ. Thiết lập hệ thống dự báo lũ hiện đại để dân kịp

thời đối phó.

Vốn đầu tư cho sản xuất để bảo đảm an toàn lương thực cho cả nước và có dư để xuất khẩu, và đẩy mạnh phát triển cây ăn trái. Nhà nước sẽ có chính sách khuyến khích (ổn định thuế, đối xử công bằng giữa quốc doanh và tư doanh) để thực sự huy động được vốn tư bản của chính nhân dân Việt nam trong và ngoài nước và vốn vay quốc tế. Yểm trợ kinh phí nghiên cứu giống lúa, bắp, các loại màu và các kỹ thuật đồng bộ. Lúa phải ngon cơm, chống chịu sâu bệnh chính, và chịu đất phèn. Các giống cây ăn trái độc đáo sẽ được phát hiện và nghiên cứu và cho nhân giống đưa vào sản xuất theo vùng qui hoạch.

Tổ chức: đi vào thế kỷ 21, phần lớn nông dân sẽ là hội viên của các hợp tác xã nông nghiệp. Họ sẽ trở nên giàu có do có kỹ thuật và sức mạnh đương đầu với các tư thương và cạnh tranh được với các nước khác. Họ được quyền xuất khẩu trực tiếp không qua trung gian. Hệ thống khuyến nông, tín dụng, và mua bán vật tư và nông sản sẽ là những bộ phận cơ bản của các HTXNN.

Giáo dục và đào tạo

Như các nước khác trên thế giới, nước ta đi lên từ nông nghiệp, vì đại bộ phận dân ta là nông dân. Nông dân trong nền kinh tế tri thức phải bắt đầu từ các cháu thiếu nhi ở cấp tiểu học, lần lần tiến lên đại học.

Tiểu học và trung học: Chương trình học phải được đổi mới để các cháu học sinh được tiếp cận với thao tác nông nghiệp đơn giản nhưng khoa học hiện đại. Lần lần lên các lớp trên, các thao tác sẽ phức tạp hơn, nhưng rất khoa học hiện đại để các cháu về nhà có thể ảnh hưởng đến cha mẹ làm nông nghiệp. Lên đến trung học phổ thông, các cháu ưa thích nông nghiệp có thể chọn trường phân ban sinh học, hay trường trung học nông nghiệp, để từ đó học lên cao đẳng hoặc đại học nông nghiệp. Theo trình tự này, các cháu lần lần thay thế cha mẹ nông dân của mình để đứng ra sản xuất trên đất nhà mình.

Song song với đào tạo phổ thông trên đây, các trường trung học/cao đẳng nông nghiệp sẽ mở các khoá học ngắn hạn hoặc trung hạn cho nông dân đang sản xuất. Đây là các khoá chuyên môn về "bảo vệ môi trường," "bảo vệ thực vật", "chăm sóc cây trồng",

"chăm sóc gà, vịt, heo, bò, trâu, dê...", "bảo quản lúa theo khoa học", "bảo quản trái cây", "chế biến rau quả", "kinh doanh nông sản", "kế toán hợp tác xã nông nghiệp", "kiểm toán HTXNN", "quản lý trang trại", "quản lý HTXNN", "chọn hướng sản xuất có lợi nhất," "sử dụng Internet trong quản lý nông trại"....

Tại bậc đại học ngoài các chuyên ngành đang dạy bậc kỹ sư hiện nay như nông học, thổ nhưỡng, chọn giống, bảo vệ thực vật, kinh tế nông nghiệp, cơ khí nông nghiệp..., cần đào tạo chuyên viên phát triển nông thôn tổng hợp, chế biến và bảo quản nông sản, quản lý hợp tác xã nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp.... Những chuyên viên này sẽ nhiệt tình về công tác tại cấp huyện hoặc tỉnh, thậm chí tại xã của mình.

Đào tạo nông nghiệp đại chúng sử dụng Internet để dạy bất cứ lao động nhân rỗi nào. Học đến nơi đến chốn với các thầy cô giỏi trong sản xuất và nghiên cứu khoa học thuộc các trường nông nghiệp danh tiếng trong nước. Nhà nước sẽ qui tụ các trường đại học có chương trình mở để cùng đồng thời mở lớp trên mạng.

Nhà nước cần qui định một biện pháp hành chính đối với nông dân: ai muốn làm nghề nông, lâm, thủy sản đều phải học lấy chứng chỉ ngành đó mới được cho giấy phép hành nghề. Nếu bản thân người chủ nông hộ không thể học được thì phải đưa con mình vào học thay thế.

Kết luận

Chúng ta ai cũng biết tiềm năng của ĐBSCL to lớn. Đất nước đã được thanh bình 25 năm rồi mà tiềm năng ấy vẫn chưa được khơi động đúng mức vì chưa có đủ nhân lực đào tạo đến nơi đến chốn theo các ngành nghề tương ứng với các tiềm năng nói trên đây. Nông dân và nhiều nhà chiến lược Việt Nam mong Đảng và Nhà nước mạnh dạn tạo điều kiện để ĐBSCL tiến lên với những bước chính xác theo các bước ưu tiên trình bày trên đây để tiềm năng sớm biến thành hiện thực, không còn khoảng cách giàu nghèo, không còn phân biệt nông thôn và thành thị. Lúc đó, chúng ta sẽ chắc chắn bắt kịp sự phồn vinh của các con rồng châu Á ■